

Số: 808/2022/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 07 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1108/2022/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1994; HKTT: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: 5/4 khu phố T1, phường V, thành phố T2, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1994; HKTT: Ấp T4, xã T5, huyện T6, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: 5/4 khu phố T1, phường V, thành phố T2, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đỗ Văn S và bà Nguyễn Thị Kim T3 có tổ chức lễ cưới, chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T5, huyện T6, tỉnh Tiền Giang vào năm 2014. Ông S và bà T3 chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do nhiều khác biệt trong suy nghĩ, dẫn đến cãi vã. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S và bà T3 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Đỗ Văn S và bà Nguyễn Thị Kim T3 có 02 con chung là Đỗ Thiên K, sinh ngày 03/11/2014 và Đỗ Thiên Q, sinh ngày 02/11/2021. Ông S và bà T3 thỏa thuận khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim T3 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và ông Đỗ Văn S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đồng/con/tháng, thực hiện từ tháng 10/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà T3 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn S và bà Nguyễn Thị Kim T3 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim T3 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Thiên K, sinh ngày 03/11/2014 và Đỗ Thiên Q, sinh ngày 02/11/2021. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn S về việc cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đồng/con/tháng, thực hiện từ tháng 10/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án thì còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn và số tiền chậm trả.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Đỗ Văn S và bà Nguyễn Thị Kim T3 tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000585 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (GCN kết hôn số 99/2014, ngày 03/10/2014);
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Từ Minh Toàn